TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27 – 6 – 2022
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Liệt.

Ông Ngô Văn Khon.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Anh Thư là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2022 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hạ Thị Thúy N, sinh năm 1989.

Địa chỉ cư trú: Ấp Y, xã M, huyện C, tỉnh Đ.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn X, sinh năm 1984.

Địa chỉ cư trú: Số C, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đ.

Chị Hạ Thị Thúy N có mặt, anh Nguyễn Văn X vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Hạ Thị Thúy N trình bày:

Về hôn nhân: Chị Hạ Thị Thúy N và anh Nguyễn Văn X xác lập quan hệ hôn nhân năm 2007 và có đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Đ vào ngày 14/4/2008. Hôn nhân giữa chị N và anh X được xây dựng trên cơ sở mai mối và kết hôn.

Trong khoảng thời gian sống chung, chị N và anh X không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, thường hay cãi vã không hòa hợp trong cuộc sống. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị N và anh X bắt đầu sống ly thân từ đầu ngày 15/11/2015 đến nay. Khoảng thời gian sống ly thân chị N và anh X không tìm cách hàn gắn tình cảm, không liên lạc qua lại, bỏ mặc nhau. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được.

Chị Hạ Thị Thúy N yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn X.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống chị N, anh X có 01 con chung tên Nguyễn Đức H, sinh ngày 26/5/2008 (Hiện nay cháu H đang sống chung với chị N). Sau khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn X không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Đơn khởi kiện (Bản chính); Đơn xin xác nhận nơi cư trú của người bị kiện (Bản chính); Giấy chứng minh nhân dân (Bản sao chứng thực); Sổ hộ khẩu (Bản sao chứng thực); Giấy khai sinh của Nguyễn Đức H (Bản sao chứng thực); Tờ thỏa thuận (Bản photo); Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính); Bản khai của chị Hạ Thị Thúy N ngày 06/5/2022 (Bản chính), Bản khai của cháu Nguyễn Đức H (Bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Hạ Thị Thúy N và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là *"V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Văn X cư trú tại số số C, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Văn X được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh X theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Hạ Thị Thúy N yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn X.

Xét thấy, chị N và anh X xác lập quan hệ hôn nhân năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Đ vào ngày 14/4/2008, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, không hòa hợp trong cuộc sống. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị N và anh X bắt đầu sống ly thân từ đầu ngày 15/11/2015 đến nay. Khoảng thời gian sống ly thân chị N và anh X không tìm cách hàn gắn tình cảm, không liên lạc qua lại, bỏ mặc nhau. Hơn nữa, chị N xác định, chị N và anh X không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không tạo điều kiện để cho nhau phát triển về mọi mặt.

Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị N và anh X đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, chị Hạ Thị Thúy N yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn X là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Đức H, sinh ngày 26/5/2008 (Hiện đang sống chung với chị N), không yêu cầu anh Nguyễn Văn X cấp dưỡng cho con.

Xét thấy, hiện nay chị N đang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Đức H. Ngoài ra, chị N xác định hiện có việc làm ổn định, có thu nhập đảm bảo cho việc nuôi con. Xét thấy, kể từ khi ly thân chị N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H. Ngoài ra, tại bản khai ngày 06/5/2022 cháu H có nguyện vọng sống chung với mẹ. Do đó, để tránh việc thay đổi môi trường sống, để đảm bảo cho cháu H phát triển toàn diện cả vật chất lẫn tinh thần cần giao cháu Nguyễn Đức H cho chị N nuôi dưỡng. Vì vậy, chị Hạ Thị Thúy N yêu cầu nuôi con chung tên Nguyễn Đức H, sinh ngày 26/5/2008 là có căn cứ chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Hạ Thị Thúy N không yêu cầu anh Nguyễn Văn X cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Hạ Thị Thúy N xác định là không có, không yêu cầu giải quyết. Anh Nguyễn Văn X không có văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Hạ Thị Thúy N phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn

nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hạ Thị Thúy N.

- Về hôn nhân: Chị Hạ Thị Thúy N được ly hôn với anh Nguyễn Văn X.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Đức H, sinh ngày 26/5/2008 , cho chị Hạ Thị Thúy N được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn X không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị N không yêu cầu.

Chị N và anh X được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Hạ Thị Thúy N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0010044 ngày 31/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Chị Hạ Thị Thúy N đã nộp xong tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn X không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã M, huyện C, tỉnh Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Trung